

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XOÁ MÙ CHỮ

Độ tuổi	Năm sinh	TRONG ĐỘ TUỔI				MÙ CHỮ								BIẾT CHỮ				Tỷ lệ % biết chữ
						Mù chữ mức 1				Mù chữ mức 2								
		TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	TS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	
15 tuổi	2008	44	21	43	20									44	21	43	20	100
16 tuổi	2007	41	18	39	17									41	18	39	17	100
17 tuổi	2006	34	11	33	11									34	11	33	11	100
18 tuổi	2005	36	17	35	17									36	17	35	17	100
19 tuổi	2004	34	12	33	12									34	12	33	12	100
20 tuổi	2003	33	15	31	13									33	15	31	13	100
21 tuổi	2002	35	11	34	11									35	11	34	11	100
22 tuổi	2001	25	14	25	14									25	14	25	14	100
23 tuổi	2000	46	25	46	25									46	25	46	25	100
24 tuổi	1999	30	13	30	13									30	13	30	13	100
25 tuổi	1998	47	26	47	26									47	26	47	26	100
Cộng 15 - 25		405	183	396	179									405	183	396	179	100
26 tuổi	1997	40	22	36	22									40	22	36	22	100
27 tuổi	1996	39	14	37	12									39	14	37	12	100
28 tuổi	1995	32	14	32	14									32	14	32	14	100
29 tuổi	1994	51	24	49	24									51	24	49	24	100
30 tuổi	1993	41	17	37	15									41	17	37	15	100
31 tuổi	1992	48	23	46	23									48	23	46	23	100
32 tuổi	1991	45	22	42	21									45	22	42	21	100
33 tuổi	1990	53	26	51	26									53	26	51	26	100
34 tuổi	1989	48	19	46	18									48	19	46	18	100
35 tuổi	1988	60	19	54	18									60	19	54	18	100
Cộng 15 - 35		862	383	826	372									862	383	826	372	100
36 tuổi	1987	56	28	51	25									56	28	51	25	100
37 tuổi	1986	47	22	43	21									47	22	43	21	100
38 tuổi	1985	43	22	42	22					1	1	1	1	42	21	41	21	97.67
39 tuổi	1984	36	14	35	14									36	14	35	14	100
40 tuổi	1983	46	26	42	24									46	26	42	24	100

41 tuổi	1982	36	15	36	15					1	1	1	1	29	15	29	15	90.01
42 tuổi	1981	30	16	30	16									33	14	33	14	100
43 tuổi	1980	33	14	33	14									44	27	41	24	100
44 tuổi	1979	44	27	41	24													
45 tuổi	1978	36	16	36	16					1	1	1	1	35	15	35	15	97.22
46 tuổi	1977	41	17	39	16									41	17	39	16	100
47 tuổi	1976	50	17	46	17					1				49	17	46	17	98
48 tuổi	1975	37	20	35	18	1		1		1		1		36	20	34	18	97.3
49 tuổi	1974	31	19	29	17					1	1			30	18	29	17	96.77
50 tuổi	1973	29	14	28	13					8	2	8	2	21	12	20	11	72.41
51 tuổi	1972	25	11	24	10					6	2	5	1	19	9	19	9	76
52 tuổi	1971	25	13	24	13					8	3	8	3	17	10	16	10	68
53 tuổi	1970	14	7	14	7					4	2	4	2	10	5	10	5	71.43
54 tuổi	1969	26	13	25	13					7	3	7	3	19	10	18	10	73.08
55 tuổi	1968	24	9	22	9					6	2	6	2	18	7	16	7	75
56 tuổi	1967	22	13	21	13					6	3	6	3	16	10	15	10	72.73
57 tuổi	1966	29	16	28	16					4	1	4	1	25	15	24	15	86.21
58 tuổi	1965	26	13	24	12					4	2	4	2	22	11	20	10	84.62
59 tuổi	1964	36	19	36	19					8	4	8	4	28	15	28	15	77.78
60 tuổi	1963	23	12	22	12					5	2	5	2	18	10	17	10	78.26
Cộng 15 - 60		1707	796	1632	768	1		1		72	30	69	28	1613	757	1541	731	95.5

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lương Trọng Luân

Lương Trọng Luân

Ngày tháng 10 năm 2023

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)



Lương Văn Hải

Lương Văn Hải